

Số: 69/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 27 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 62/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Số B đường Đ, phường P, thành phố H.

- Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Số H đường L, phường P, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) vào ngày 06/01/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà H là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 3 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H công nhận vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Đăng K, sinh ngày 25/5/2020.

Ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H thỏa thuận giao cháu Trần Ngọc Đăng K cho bà Nguyễn Thị Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Ông M, bà H đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 19 tháng 8 năm 2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H.

- Về nuôi con chung: Giao 01 con chung tên Trần Ngọc Đăng K, sinh ngày 25/5/2020 cho bà Nguyễn Thị Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Minh H đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000459 ngày 11/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H, nên được khấu trừ, không phải nộp nữa. .

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND KV2 - Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường Phú Xuân, TP Huế;
(ĐKKH số 01 ngày 06/01/2020)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú